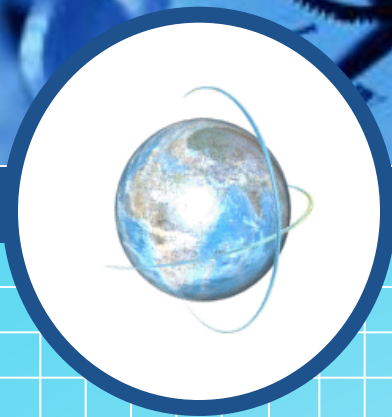


LOGO



KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊNIN

CHƯƠNG 3

SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

NỘI DUNG CHƯƠNG 3



- I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**
- II. TÍCH LŨY TƯ BẢN**
- III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



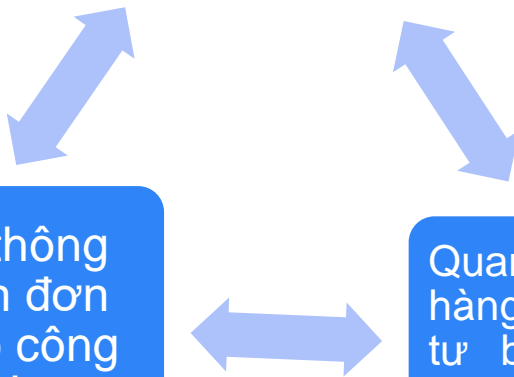
1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

a) Công thức chung của tư bản

C.Mác so sánh quan hệ lưu thông hàng hóa trong nền sản xuất hàng hóa giản đơn và quan hệ lưu thông hàng hóa trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Quan hệ lưu thông hàng hóa giản đơn vận động theo công thức H-T-H.

Quan hệ lưu thông hàng hóa thị trường tư bản chủ nghĩa vận động theo công thức T-H-T.



I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

- Trên cơ sở làm rõ sự giống nhau và khác nhau về mục đích của hai trình độ quan hệ lưu thông đó. C.Mác phát hiện ra công thức chung của tư bản phải là $T-H-T'$
 - ✓ Trong đó $T'=T+\Delta t$
 - ✓ Mà Δt luôn dương, vì thế lưu thông $T-H-T'$ mới có ý nghĩa
 - ✓ Vậy nguồn gốc của Δt là từ đâu?



C.Mác chứng minh rằng, việc mua, bán hàng hóa thấp hơn hoặc bằng giá trị thì chắc chắn không có giá trị tăng thêm, nếu người mua hàng hóa để rồi bán hàng hóa đó cao hơn giá trị thì chỉ được lợi xét về người bán, nhưng xét về người mua thì lại bị thiệt. Trong khi, trong nền kinh tế thị trường, mỗi người đều đóng vai trò là người bán và đồng thời cũng là người mua. Cho nên, nếu được lợi khi bán thì lại bị thiệt khi mua. Như vậy, lưu thông (mua, bán thông thường) không tạo ra giá trị tăng thêm xét trên phạm vi xã hội.

C.Mác khẳng định, vậy bí mật ở đây là nhà tư bản đã mua được một loại hàng hóa đặc biệt nào đó mà trong quá trình sử dụng loại hàng hóa này, giá trị của nó không những được bảo tồn mà còn tạo ra được giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó là hàng hóa sức lao động.

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

b) Hàng hóa sức lao động

- ✓ Sức lao động: là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó

3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

b) Hàng hóa sức lao động

✓ Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

- *Một là, Người lao động được tự do về thân thể*
- *Hai là, Người lao động không có đủ các TLSX cần thiết*

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

b) Hàng hóa sức lao động

✓ Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động:

- Một là, Giá trị của hàng hóa sức lao động
- Hai là, Giá trị sử dụng của hàng hóa SLĐ

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

c) Sự sản xuất giá trị thặng dư

- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là sự thống nhất của quá trình tạo ra và làm tăng giá trị.
- Để có được giá trị thặng dư, nền sản xuất xã hội phải đạt đến một trình độ nhất định. Trong thời gian lao động đã được thỏa thuận mua bán theo nguyên tắc ngang giá là có thể bù đắp được giá trị hàng hóa sức lao động, C.Mác gọi bộ phận này là thời gian lao động tất yếu.
- Ngoài thời gian tất yếu đó, vẫn trong nguyên tắc ngang giá đã thỏa thuận, người lao động phải làm việc trong sự quản lý của người mua hàng hóa sức lao động, và sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà tư bản, thời gian đó là thời gian lao động thặng dư.

VÍ DỤ:



Giả sử sản xuất giá trị thặng dư được thực hiện dưới hình thái sản xuất cụ thể là sản xuất sợi.

Để tiến hành sản xuất sợi, nhà tư bản phải ứng ra số tiền là 50 USD để mua 50kg bông, 3 USD hao mòn máy móc để kéo 50kg bông thành sợi, 15 USD mua hàng hóa sức lao động để sử dụng trong 1 ngày làm việc 8 giờ. Như vậy, nhà tư bản ứng ra 68 USD.

Trong quá trình sản xuất sợi, bằng lao động cụ thể, người công nhân biến bông thành sợi, theo đó giá trị của bông và hao mòn máy móc được chuyển vào giá trị của sợi; bằng lao động trừu tượng người công nhân tạo ra giá trị mới, giá định, trong 4 giờ lao động công nhân đã chuyển toàn bộ 50 kg bông thành sợi.

Giá trị sợi gồm:

Giá trị 50kg bông chuyển vào: 50 USD

Hao mòn máy móc: 3 USD

Giá trị mới bằng giá trị sức lao động: 15 USD

Tổng cộng: 68 USD

Vậy giá trị thặng dư là gì?



Giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người lao động làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa sức lao động).

C.Mác ký hiệu giá trị thặng dư là m .

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

d) Tư bản bất biến và tư bản khả biến:

✓ Tư bản bất biến:

Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái TLSX mà giá trị được lao động cụ thể của công nhân làm thuê bảo tồn và chuyển nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là giá trị không biến đổi trong quá trình sản xuất. Ký hiệu là C

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

✓ Tư bản khả biến:

Bộ phận tư bản biến thành sức lao động thì khác. Giá trị của nó được chuyển cho công nhân làm thuê, biến thành tư liệu sinh hoạt cần thiết và mất đi trong quá trình sản xuất sức lao động của công nhân làm thuê. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất, công nhân làm thuê bằng lao động trừu tượng tạo ra giá trị mới với lượng lớn hơn giá trị sức lao động

Vậy tư bản bất biến được hiểu như thế nào?

C.Mác kết luận, bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái SLĐ không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân mà tăng lên, tức biến đổi về số lượng trong quá trình sản xuất. Ký hiệu là V

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ *Tư bản bất biến và tư bản khả biến:*

✓ Công thức giá trị của hàng hóa

$$G = c + (v+m)$$

Trong đó: G là giá trị hàng hóa; (v+m) là giá trị mới của hàng hóa, do hao phí lao động sống tạo ra; c là giá trị của những tư liệu sản xuất đã được tiêu dùng, là bộ phận lao động quá khứ đã được kết tinh trong máy móc, nguyên nhiên vật liệu. Bộ phận này được lao động sống chuyển vào giá trị sản phẩm mới.

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

đ) Tiền công:

Tiền công đó chính là giá cả của hàng hóa sức lao động. Và với bản chất cả giá trị mới như nêu trên, thì tiền công do chính hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tạo ra, nhưng nó lại thường được hiểu là do người mua sức lao động trả cho người lao động làm thuê.

- Nguồn gốc của tiền công chính là do hao phí sức lao động của người lao động làm thuê tự trả cho mình thông qua sổ sách của người mua hàng hóa sức lao động mà thôi.
- Để thu được giá trị thặng dư dưới hình thái tiền, C.Mác gọi là thực hiện giá trị thặng dư, thì hàng hóa được sản xuất ra ấy phải được bán đi, nghĩa là nó phải được thị trường chấp nhận. Khi hàng hóa không bán được, chủ doanh nghiệp sẽ bị phá sản

C.Mác nhấn mạnh, để có giá trị thặng dư, nhà tư bản không những cần phải thực hiện quá trình sản xuất giá trị thặng dư, mà còn cần phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình đó và thực hiện giá trị, giá trị thặng dư chứa đựng trong những hàng hóa đã được sản xuất ra. Tổng thể những hoạt động đó biểu hiện sự vận động tuần hoàn của tư bản.

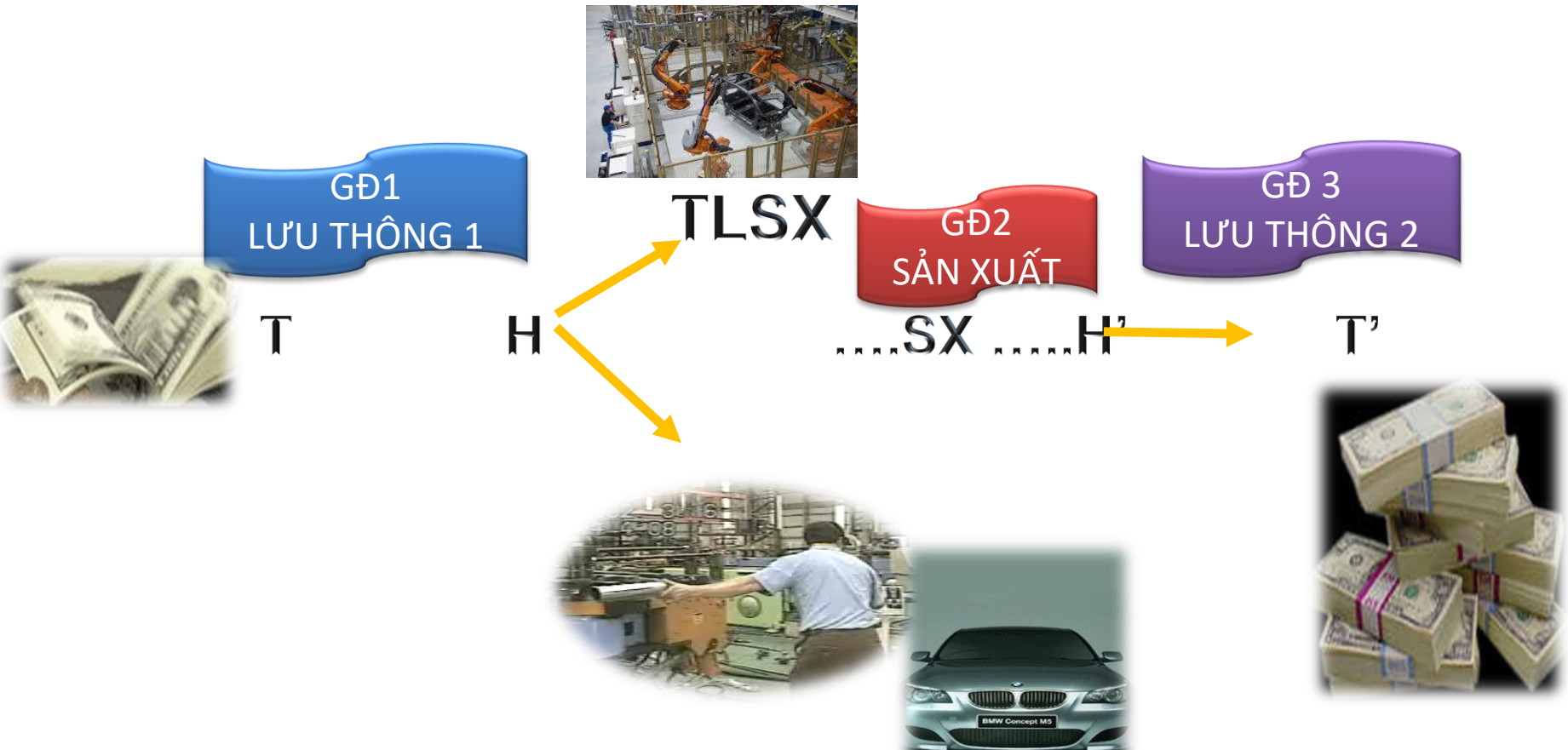
I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



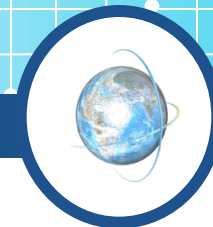
1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

e) Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

* Tuần hoàn tư bản



* *CHU CHUYỂN TƯ BẢN*



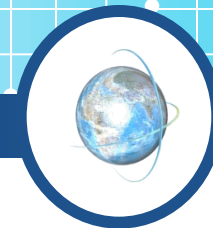
Chu chuyển tư bản là tuần hoàn tư bản được xét là quá trình định kỳ, thường xuyên lặp đi lặp lại và đổi mới theo thời gian.

Chu chuyển tư bản được đo bằng:

Thời gian chu chuyển tư bản là khoảng thời gian mà một tư bản kể từ khi được ứng ra dưới một hình thái nhất định cho đến khi quay trở về dưới hình thái đó cùng với giá trị thặng dư. Thời gian chu chuyển tư bản bao gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

Tốc độ chu chuyển tư bản là số lần mà một tư bản được ứng ra dưới một hình thái nhất định quay trở về dưới hình thái đó cùng với giá trị thặng dư tính trong một đơn vị thời gian nhất định. Thông thường, tốc độ chu chuyển được tính bằng số vòng chu chuyển của tư bản trong thời gian 1 năm.

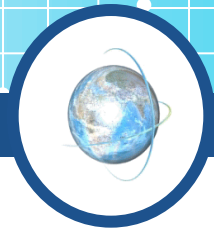
* *CHU CHUYỂN TƯ BẢN*



Nếu ký hiệu số vòng chu chuyển của tư bản là n , thời gian của một năm là CH , thời gian một vòng chu chuyển là ch , thì tốc độ chu chuyển của từng bộ phận tư bản được tính như sau:

$$n = CH/ch$$

** Tư bản cố định và tư bản lưu động*

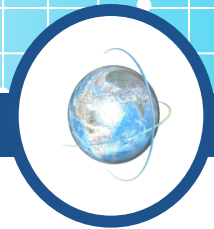


- Tư bản cố định

Tư bản cố định (ký hiệu c_1) là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái tư liệu lao động tham gia toàn bộ quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó chuyển dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm theo mức độ hao mòn.

Hao mòn của tư bản cố định bao gồm hao mòn hữu hình (sự mất mát về giá trị sử dụng và giá trị) do sử dụng và tác động của tự nhiên gây ra và hao mòn vô hình (sự mất giá thuần túy) do sự tăng lên của năng suất lao động và sự xuất hiện của những thể hệ tư liệu lao động mới có năng suất cao hơn.

** Tư bản cố định và tư bản lưu động*



- Tư bản lưu động

Tư bản lưu động là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái sức lao động, nguyên nhiên vật liệu, vật liệu phụ, giá trị của nó được chuyển một lần, toàn phần vào giá trị sản phẩm khi kết thúc từng quá trình sản xuất.

Để thu được hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, các nhà tư bản phải nỗ lực rút ngắn thời gian chu chuyển hay đẩy nhanh tốc độ chu chuyển tư bản trên cơ sở nắm vững các yếu tố ảnh hưởng đến thời gian chu chuyển tư bản , đồng thời sử dụng hiệu quả tư bản cố định và tư bản lưu động.

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



2. Bản chất của giá trị thặng dư

➤ Tỷ suất giá trị thặng dư

✓ KN: Tỷ suất giá trị thặng dư là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến

✓ Công thức:
$$m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

Hoặc:

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động tất yếu}} \times 100\%$$

3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



2. Bản chất của giá trị thặng dư

➤ **Khối lượng giá trị thặng dư**

- ✓ KN: Tỷ suất giá trị thặng dư là lượng giá trị thặng dư bằng tiền mà nhà tư bản thu được
- ✓ Công thức: $M = m' \cdot V$

Trong đó, M là khối lượng giá trị thặng dư, V là tổng tư bản khả biến

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền KTTT TBCN

➤ Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:

- ✓ Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do *kéo dài ngày lao động* vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi NSLĐ, giá trị SLĐ và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

Ngày lao động 8h

4h TGLĐTY

4h TGLĐTD

$m' = 100\%$

Ngày lao động 10h

4h TGLĐTY

6h TGLĐTD

$m' = 150\%$

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền KTTT TBCN

➤ Sản xuất giá trị thặng dư tương đối:

- ✓ Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được nhờ *rút ngắn thời gian lao động tất yếu*, do đó thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

Ngày lao động 8h	4h TGLĐTY	4h TGLĐTD	$m' =$ 100%
Ngày lao động 8h	2 h TGLĐTY	6 h TGLĐTD	$m' =$ 300%

I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ



3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền KTTT TBCN

➤ Sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch:

Thảo luận: Tại sao nói giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thái biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?.

II. TÍCH LŨY TƯ BẢN



1. Bản chất của tích lũy tư bản

Tái sản xuất có thể được thực hiện dưới hình thức tái sản xuất giản đơn. Đó là sự lặp lại quá trình sản xuất với quy mô như cũ. Trong trường hợp này, toàn bộ giá trị thặng dư đã được nhà tư bản tiêu dung cho cá nhân

Kết quả nghiên cứu tái sản xuất giản đơn cho thấy, không phải nhà tư bản ứng trước tiền công cho công nhân làm thuê, mà ngược lại chính công nhân làm thuê ứng trước tư bản khả biến cho nhà tư bản

Tái sản xuất mở rộng tư bản chủ nghĩa là sự lặp lại quá trình sản xuất với quy mô và trình độ ngày càng tăng lên.

Để thực hiện tái sản xuất mở rộng, nhà tư bản phải biến một bộ phận giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm, do đó *tích lũy tư bản là tư bản hóa giá trị thặng dư*.

Bản chất của tích lũy TB: là quá trình tái sản xuất mở rộng TBCN, thông qua việc biến giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm để tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh

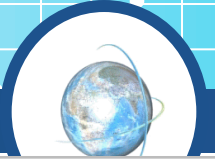
II. TÍCH LŨY TƯ BẢN



2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy

- Thứ nhất, nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư.
- Thứ hai, nâng cao năng suất lao động.
- Thứ ba, sử dụng hiệu quả máy móc.
- Thứ tư, Đại lượng tư bản ứng trước.

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN



3.2.3 Một số quy luật của tích lũy tư bản

**Thứ
nhất**

Tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản



**Thứ
hai**

Tích lũy tư bản làm tăng tích tụ và tập trung tư bản



**Thứ
ba**

Tích lũy tư bản không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà tư bản với thu nhập của người lao động cả tuyệt đối lẫn tương đối

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KTTT



1. Lợi nhuận

a) Chi phí sản xuất

Ví dụ:

Để sản xuất hàng hóa nhà tư bản phải đầu tư khối lượng tổng tư bản có giá trị là 1.000.000 USD. Trong đó:

Mua máy móc: 500.000 USD. Máy móc này được sử dụng trong 10 chu kỳ sản xuất (giá định là 10 năm)

Nghĩa là mỗi năm sẽ khấu hao 50.000 USD, phần này sẽ được chuyển vào giá trị hàng hóa của 1 năm.

Nguyên nhiên vật liệu cho mỗi năm: 400.000 USD

Tư bản khả biến: 100.000 USD cho mỗi năm;

Tỷ suất giá trị thặng dư: 100%

Trong trường hợp như vậy. giá trị hàng hóa được tạo trong 1 năm là:

$$450.000c + 100.000v + 100.000m = 650.000$$

Nếu trong giá trị 650.000 USD trừ đi 100.000 USD là giá trị thặng dư thì chỉ còn lại 550.000 USD. Phần này được gọi là chi phí sản xuất.

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



1. Lợi nhuận

a) Chi phí sản xuất:

- *Vậy chi phí sản xuất:* là chi phí để bù lại giá cả những TLSX đã tiêu dung và giá cả của sức lao động đã được sử dụng.

- Công thức:

$$k = c + v$$

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KTTT



b) Bản chất lợi nhuận

Ký hiệu lợi nhuận là p .

Khi đó giá trị hàng hóa được viết là: $G = k + p$

Từ đó $p = G - k$.

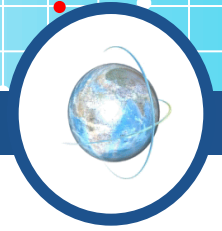
Từ cách tính toán trên thực tế như vậy, người ta chỉ quan tâm tới khoảng chênh lệch giữa giá trị hàng hóa bán được với chi phí phải bỏ ra mà không quan tâm đến nguồn gốc sâu xa của khoản chênh lệch đó chính là giá trị thặng dư chuyển thành. Thậm chí, với nhà tư bản, lợi nhuận còn được quan niệm là do tư bản ứng trước sinh ra.

C.Mác khái quát: giá trị thặng dư, được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước, mang hình thái chuyển hóa là lợi nhuận.

Điều đó có nghĩa, lợi nhuận chẳng qua chỉ là hình thái biểu hiện giá trị thặng dư trên bề mặt nền kinh tế thị trường.

Nhà tư bản chỉ cần bán hàng hóa với giá cả cao hơn chi phí sản xuất là đã có lợi nhuận. Trong trường hợp bán đúng bằng chi phí sản xuất là không có lợi nhuận. Bán hàng hóa thấp hơn giá trị và cao hơn chi phí sản xuất cũng có thể đã có lợi nhuận. Trong trường hợp này, lợi nhuận nhỏ hơn giá trị thặng dư. Lợi nhuận chính là mục tiêu, động cơ, động lực của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



c) Tỷ suất lợi nhuận:

- *Tỷ suất lợi nhuận*: là tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước (ký hiệu p')

- **Công thức:**

$$p' = \frac{m}{C + V} \times 100\%$$

- Tỷ suất lợi nhuận phản ánh đầy đủ hiệu quả kinh doanh

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



➤ Các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận:

- 1 Tỷ suất giá trị thặng dư (m')
- 2 Cấu tạo hữu cơ của tư bản
- 3 Tốc độ chu chuyển của tư bản
- 4 Tiết kiệm tư bản bất biến

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT

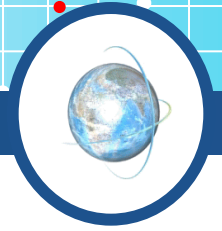


d) Lợi nhuận bình quân:

■ Ví dụ:

Ngành sản xuất	Chi phí sản xuất $\overline{P'}$	$m'(\%)$	m	$P'(\%)$	(GCSX
Cơ khí	$80 c + 20 v$	100	20	20	30%	30	130
Dệt	$70 c + 30 v$	100	30	30	30%	30	130
Da	$60 c + 40 v$	100	40	40	30%	30	130

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



➤ Lợi nhuận bình quân:

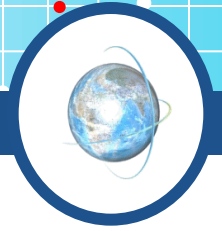
▪ Công thức:
$$P' = \frac{\Sigma m}{\Sigma (c + v)} \times 100\%$$

$$\bar{P} = \bar{P}' \cdot k$$

- *Giá cả sản xuất*: là giá cả mang lại lợi nhuận bình quân

$$GCSX = k + \bar{p}$$

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



đ) Lợi nhuận thương nghiệp:

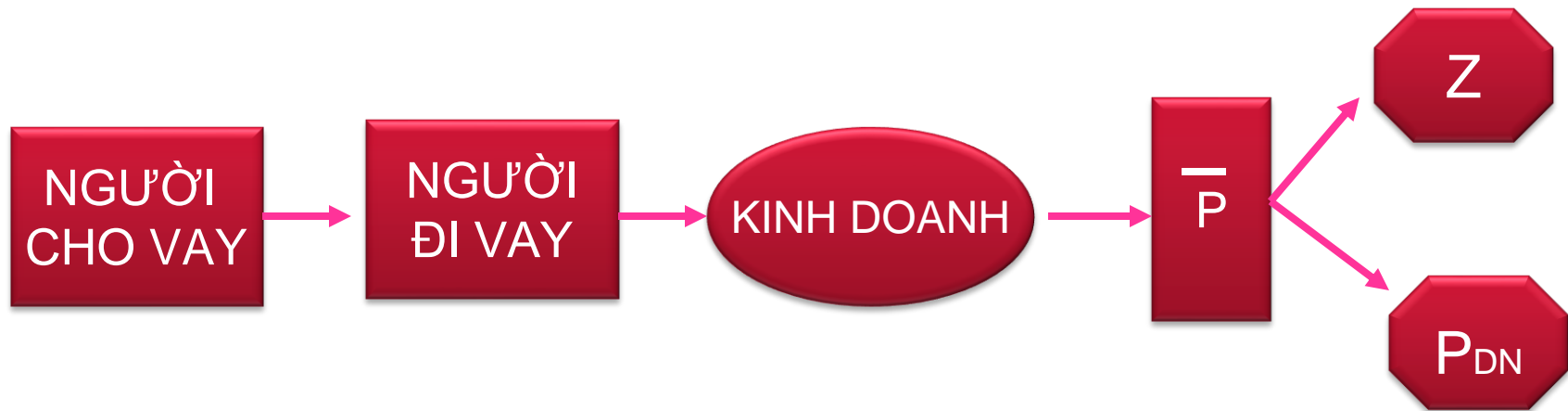
- *Lợi nhuận thương nghiệp*: là một sự chênh lệch giữa giá bán và giá mua hàng hóa.
- *Nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp*: là một phần của m mà nhà tư bản sản xuất trả cho nhà tư bản thương nghiệp do nhà tư bản thương nghiệp đã giúp cho việc tiêu thụ hàng hóa.

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT

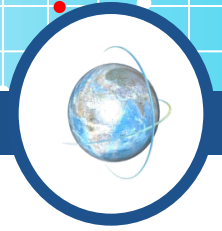


2. Lợi tức

➤ **Lợi tức:** là một phần của lợi nhuận bình quân mà người đi vay phải trả cho người cho vay vì đã sử dụng lượng tiền nhàn rỗi của người cho vay.



III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



2. Lợi tức

➤ *Tư bản cho vay trong CNTB có đặc điểm:*

**Thứ
nhất**

Quyền sử dụng tách rời quyền sở hữu

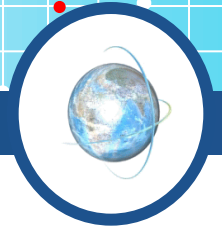
**Thứ
hai**

Là hàng hóa đặc biệt

**Thứ
ba**

Là hình thái tư bản phiên diện nhất song được dùng bán nhất

III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ TRẠNG DƯ TRONG NỀN KTTT



3. Địa tô TBCN

- *Địa tô TBCN là gì? Nguồn gốc của địa tô TBCN?*
- *Phân biệt địa tô tuyệt đối, địa tô chênh lệch I và địa tô chênh lệch II?*

3. Địa tô TBCN



C.Mác khai quát, địa tô là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp phải trả cho địa chủ.

Theo C.Mác, có các hình thức địa tô như: i) Địa tô chênh lệch. Trong đó, địa tô chênh lệch I là địa tô mà địa chủ thu được do chỗ cho thuê ruộng đất tốt và độ màu mỡ cao, điều kiện tự nhiên thuận lợi. Địa tô chênh lệch II là địa tô mà địa chủ thu được do chỗ cho thuê mảnh đất đã được đầu tư, thâm canh và làm tăng độ màu mỡ của đất. ii) Địa tô tuyệt đối, là địa tô mà địa chủ thu được trên mảnh đất cho thuê, không kể độ màu mỡ tự nhiên thuận lợi hay do thâm canh. Đó là phần lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị nông sản và giá cả xuất chung của nông sản.

C.Mác ký hiệu địa tô là R.

3. Địa tô TBCN



Trong thực tế đời sống kinh tế, địa tô là một trong những căn cứ để tính toán giá cả ruộng đất khi thực hiện bán quyền sử dụng đất cho người khác.

Về nguyên lý, giá cả ruộng đất được tính trên cơ sở so sánh với tỷ lệ lãi suất ngân hàng, theo công thức:

$$\text{Giá cả đất đai} = \frac{\text{Địa tô}}{\text{Tỷ suất lợi tức nhận gửi của ngân hàng}}$$

Lý luận địa tô tư bản chủ nghĩa của C.Mác không chỉ vạch rõ bản chất quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp mà còn là cơ sở khoa học để xây dựng các chính sách kinh tế liên quan đến thuế, đến điều tiết các loại địa tô, đến giải quyết các quan hệ đất đai... Tất cả nhằm kết hợp hài hòa các lợi ích, khuyến khích thâm canh, sử dụng đất đai tiết kiệm, phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa sinh thái bền vững./.

NỘI DUNG CHƯƠNG 3



- I. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**
- II. TÍCH LŨY TƯ BẢN**
- III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

Câu hỏi ôn tập:

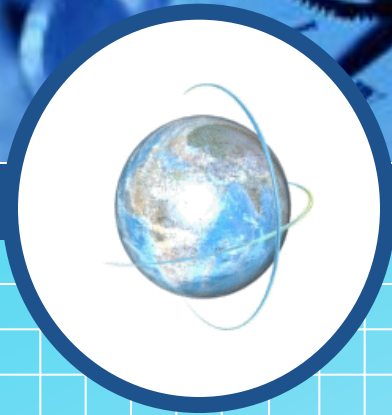


1. Phân tích nguồn gốc và bản chất của giá trị thặng dư? Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư? Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư? Ý nghĩa thực tiễn?

2. Tích lũy tư bản và các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy? Liên hệ và vận dụng?

3. Phân tích các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản? ý nghĩa thực tiễn?

LOGO



Thank You !